

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 35/2018/DS - ST

Ngày: 30/11/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Thế Hanh

Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Ong Văn Chúc - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị M – sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đồng Giót, xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Ngõ Xá, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
Anh H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt;

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Phùng Văn T, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đồng Giót, xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Ngõ Xá, xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong biên bản lấy lời khai nguyên đơn là chị Ngô Thị M trình bày: Do mối quan hệ quen biết nhau nên ngày 25/11/2017 anh H đã đến gia đình chị ở thôn Đồng Giót, xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang có vay của vợ chồng chị số tiền 262.000.000 đồng. Mục đích vay là để đầu tư kinh doanh. Khi vay hai bên có viết giấy nhận nợ và thỏa thuận thời hạn trả nợ là 01 tháng với lãi suất là 1,5%/tháng. Để đảm bảo cho

khoản vay anh H đã để lại 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Đình H số: 121227827 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 02/11/2010 và 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thị T số: 121643602 do công an Tỉnh Bắc Giang cấp ngày 08/10/2012 và 01 Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Đình H để chị M giữ. Đến hạn trả nợ nhưng anh H không trả nợ cho chị mặc dù chị đã tiến hành đòi nhiều lần. Nay Chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa buộc anh Nguyễn Đình H và chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị số tiền nợ gốc là 262.000.000đ (Hai trăm sáu hai triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày vay cho đến nay theo quy định pháp luật.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải bị đơn là anh Nguyễn Đình H trình bày: Giữa vợ chồng anh và vợ chồng chị M có quan hệ quen biết là do cùng đi bán hàng ở chợ. Do vậy, khi có nhu cầu vay tiền để làm ăn nên vào khoảng Tháng 7 anh có đến nhà chị M để vay số tiền là 200.000.000đ, thời hạn vay thì thỏa thuận là sau 10 ngày nếu không trả được tiền gốc thì lên đóng tiền lãi cho chị M. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 4000đồng/triệu/ngày. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ nên anh mới đóng cho chị M được 40 ngày tiền lãi tổng là 32.000.000đ. Do không có khả năng đóng lãi cho chị M nữa, nên ngày 25/11/2017 anh có viết một giấy nhận nợ chị M 262.000.000đ (Hai trăm sáu mươi hai triệu đồng) trong đó số tiền nợ gốc là 200.000.000đ và tiền lãi chuyển thành gốc là 62.000.000đ. Anh là người viết giấy nhận nợ và ký vào giấy nhận nợ của chị M và anh cũng tự ý ký tên chị T vào giấy nhận nợ mà chị T không biết. Nay anh Xác định đây là số nợ riêng của anh không liên quan đến chị T và anh sẽ có trách nhiệm trả nợ cho cho chị M. Do hoàn cảnh của anh gặp nhiều khó khăn không có khả năng trả nợ anh đề nghị chị M cho anh được trả dần mỗi tháng là 05 triệu đồng và không tính lãi. Nếu chị M không nhất trí anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Anh Phùng Văn T trình bày: Anh là chồng của chị Ngô Thị M, giữa anh và vợ chồng anh H, chị T không có quan hệ gì với nhau. Anh chỉ biết vợ anh là chị M và chị T có quan hệ với nhau. Ngày 25/11/2017 vợ anh đã cho anh H vay số tiền là 262.000.000đ tiền gốc. Khi vay hai bên có viết giấy nhận nợ và có thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 25/12/2017 và lãi suất do hai bên cùng thỏa thuận cụ thể là 1,5%/tháng. Anh xác định số tiền chị M cho anh H vay là tài sản chung của vợ chồng anh, vợ chồng anh đã đến đòi nợ anh H rất nhiều lần nhưng anh H không trả được. Nay vợ anh làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh H và chị T phải trả cho vợ chồng anh số tiền nợ gốc là 262.000.000đ và lãi suất là 39.300.000đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn Đình H. Giữa vợ chồng chị và chị M có mối quan hệ quen biết do cùng bán hàng ngoài chợ. Sau đó, khi anh H cần vốn để làm ăn đã lên nhà chị M vay 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) vào khoảng tháng 3/2017 chị không nhớ cụ thể thời hạn vay chị chỉ biết hai bên thỏa thuận là cứ 10 ngày nếu không có tiền gốc thì lên đóng lãi cho chị M là 4000đồng/1 triệu/ ngày tức là 8.000.000đ. Anh H đã đóng lãi cho chị M được khoảng 32.000.000đ và chị cũng lên nhà chị M đóng tiền lãi được một đến hai lần khoảng 12 – 13 triệu đồng chị không nhớ rõ vì hai bên cũng không có giấy tờ gì. Chị xác định tại giấy

vay tiền ngày 25/11/2017 chị không ký và chữ ký trong giấy tờ do anh H tự ký chị không biết. Tuy nhiên chị xác định chồng chị là anh H có vay của chị M số tiền nợ là 200.000.000đ và chị xác định đây là nợ chung của vợ chồng. Sau đó vì không trả lãi được chị M nên chị M đã bắt anh H phải viết giấy nợ 262.000.000đ, trong đó tiền nợ gốc là 200.000.000đ và tiền nợ lãi là 62.000.000đ. Nay vợ chồng chị M khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền nợ 262.000.000đ thì chị không nhất trí. Chị chỉ nhất trí trả chị M số tiền nợ gốc là 200.000.000đ, chị đề nghị cho vợ chồng chị được trả dần chị M mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi hết số tiền 200.000.000đ và đề nghị chị M không tính lãi suất.

Tại phiên tòa, KSV phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định. Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng:

Điều 275; 463; 466; 468; 470 BLDS

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTHS.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án Xứ:

Buộc anh Nguyễn Đình H phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị Ngô Thị M số tiền gốc là: 262.000.000đ (Hai trăm sáu mươi hai triệu đồng);

Tiền lãi từ ngày 25/11/2017 đến 27/11/2018: $262.000.000đ \times 01 \text{ năm} \times 10\% = 26.200.000đ$ đồng.

Tổng số tiền phải trả là: 288.200.000đ (Hai trăm tám mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng).

Về án phí: Anh Nguyễn Đình H phải chịu 14.410.000 (Mười bốn triệu, bốn trăm mười nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Chị Ngô Thị M không phải chịu án phí DSST, hoàn trả lại cho chị Ngô Thị M số tiền 7.500 000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0001116 ngày 20/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Vì các lẽ trên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản với anh Nguyễn Đình H. Theo quy định tại khoản khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Anh H và chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử theo thủ tục chung.

[2] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ lời khai và các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và sự thừa nhận từ phía bị đơn, có đủ căn cứ xác định: Ngày 25/11/2017 anh Nguyễn Đình H có vay của chị Ngô Thị M số tiền nợ gốc là 262.000.000đ. Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền và thời hạn trả nợ là ngày 25/12/2017. Đến thời hạn trả nợ chị M đã xuống gia đình anh H đòi tiền nhiều lần nhưng anh H không trả. Vì vậy, chị M đã làm đơn khởi kiện yêu cầu anh H phải trả cho chị số tiền đã vay cùng lãi suất là 1,5%/tháng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi chị M yêu cầu anh H phải trả là 301.300.00đ. Đồng thời trong các biên bản làm việc với Tòa án và tại phiên tòa chị M cũng xác định anh H là người trực tiếp đến vay và viết vào giấy nhận nợ của chị, ngay cả chữ ký tên chị T trong giấy nhận nợ cũng do anh H viết. Việc chị T không thừa nhận số nợ là 262.000.000đ mà chỉ thừa nhận số nợ 200.000.000đ chị không nhất trí và chị cho rằng giữa chị và anh H không có giấy nhận nợ nào khác ngoài giấy nhận nợ này và chị xác định ngoài số tiền vay 262.000.000đ thì anh H và chị T không nợ chị bất cứ khoản tiền nào khác và kể từ khi vay anh H vẫn chưa đóng cho chị được một đồng tiền lãi nào. Việc anh H vay tiền nói là làm ăn nhưng chị cũng không rõ lắm nên việc chị T không thừa nhận là nợ chung của vợ chồng và không chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho chị chị cũng đồng ý và đề nghị HĐXX xác định đây là nợ riêng của anh H và yêu cầu anh H phải có trách nhiệm trả nợ cho chị. Anh H cũng xác định bản thân anh là người trực tiếp đi vay và viết vào giấy nhận nợ của chị M nên anh xác định đây là nợ riêng của anh và anh sẽ có trách nhiệm trả nợ cho chị M. Do số tiền chị M cho anh H vay là tài sản chung của vợ chồng chị M anh T nên cần xác định anh H phải có trách nhiệm trả nợ cho chị M và anh T là có căn cứ.

Bên cạnh đó, chị T và anh H trước đó có xác định anh chị có vay của chị M số tiền là 200.000.000đ với lãi suất là 4000đ/triệu/ngày. Khi vay hai bên có viết giấy nhận nợ nhưng không hẹn ngày trả nợ. mà chị giao hẹn bằng miệng nếu không có tiền gốc thì cứ 10 ngày phải lên đóng lãi cho chị M một lần là 8.000.000đ và anh H đã đóng lãi cho chị M bốn lần là 32 triệu đồng. Đồng thời chị T cũng xác nhận lời khai của anh H là đúng và chị cũng đã lên nhà chị M trả lãi hai lần khoảng 12-13 triệu đồng. Tuy nhiên, anh H và chị T không có bằng chứng gì để chứng minh cho nội dung vừa trình bày này và phía chị M không thừa nhận khoản nợ đó mà chỉ thừa nhận có khoản vay 262.000.000đ và anh H là người trực tiếp đến vay và chưa trả cho chị được một đồng tiền lãi nào. Vì vậy, HĐXX nhận định anh H có vay của chị M và anh T số tiền là 262.000.000đ, khi vay hai bên có viết giấy nhận nợ và có hẹn ngày trả là đúng. Nay anh H không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình và chị M, anh T có yêu cầu là đúng cần buộc anh H phải trả số tiền đã vay cho anh T và chị M là có căn cứ pháp luật. Việc anh H khi đến vay tiền có giao cho chị M 01 sổ hộ khẩu của gia đình và 02 giấy chứng minh nhân dân mang tên anh H và chị T. Trong quá trình giải quyết vụ án số giấy tờ trên anh H đã nhận lại và không có ý kiến gì. Vì vậy, HĐXX không xem xét và giải quyết vấn đề này là có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu quan điểm và đề nghị HĐXX buộc anh H phải có trách nhiệm trả nợ cho chị Ngô Thị M và anh Phùng

Văn T số tiền gốc là 262.000.000đ cùng số tiền lãi là: 26.200.000đ tổng cộng là: 288.200.000đ. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy giữa anh H và chị M có tranh chấp với nhau về lãi suất trong hạn nên cần áp dụng khoản 2 Điều 468 BLDS là có căn cứ nhưng anh H còn phải chịu lãi trong hạn khi chậm trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay là có căn cứ.

Trong giấy vay tiền của chị M và anh H thì có viết lãi suất là theo thỏa thuận và chị M đưa ra mức lãi suất là 1,5%/tháng nhưng chị M không xuất trình được chứng cứ của sự thỏa thuận này. Bên cạnh đó, anh H thì cho rằng hai bên không thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng mà thực chất lãi suất là 4000đ/triệu/tháng nhưng anh H cũng không có căn cứ để chứng minh cho việc thỏa thuận lãi suất đó và cũng không xuất trình được chứng cứ cho các lần trả lãi đó nên HĐXX không có căn cứ để xem xét. Vì vậy, HĐXX nhận thấy việc vay tiền của chị M và anh H là trường hợp hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì cần áp dụng lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất giới hạn được tính theo quy định của pháp luật là 20%/năm là 10%/năm để áp dụng tính lãi suất anh H phải trả cho chị M trong thời hạn 01 tháng là có căn cứ cụ thể là:

+ Lãi trong thời hạn mà anh H chưa trả cho chị M là:

$262.000.000đ \times 0,8334\%/tháng \times 01 \text{ tháng} = 2.184.000\text{đồng}$

Ngoài ra, khi tính số tiền lãi của anh H phải trả cho chị M thì anh H còn phải trả cho M số tiền lãi trong hạn chậm trả cho chị M cụ thể là:

+ Lãi trong hạn khi chậm trả:

$2.184.000\text{đồng} \times 0,8334\%/tháng \times 11 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 233.575\text{đồng}$

Bên cạnh đó, số tiền 262.000.000đ đã quá hạn nhưng anh H chưa trả cho chị M và anh T thì anh H còn phải trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả cho chị M cụ thể là:

+ Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay đã tính là 1,25%/tháng cụ thể là:

$262.000.000đ \times 1,25\%/tháng \times 11 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 36.565.000\text{đồng}$

Tổng cộng số tiền gốc và lãi anh H phải trả cho chị M và anh T là:

$262.00.000đ + (2.184.000đ + 233.600đ + 36.565.000đ) = 298.882.600\text{đồng}$

Về án phí: anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho chị M tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; 147; khoản 2 Điều 227; 228; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 274; 275; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án Xử:

Buộc anh Nguyễn Đình H phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị Ngô Thị M số tiền gốc là 262.000.000đ (Hai trăm sáu mươi hai triệu đồng) và tiền lãi là 38.982.600đồng tổng cộng cả gốc và lãi suất 298.882.600 (Hai trăm chín mươi tám triệu tám trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

- Án phí: Anh Nguyễn Đình H phải chịu 14.940.000 (Mười bốn triệu, chín trăm bốn mươi nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Trả lại cho chị Ngô Thị M số tiền 7.500 000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0001116 ngày 20/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Kể từ ngày bên được thi hành án làm đơn đề nghị thi hành, bên phải thi hành án dân sự phải chịu lãi suất theo mức lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định về khoản tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thế Hanh Nguyễn Ngọc Trứ

Hoàng Thị Hương Lan

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: /2018/DSST

Ngày: 20/9/2016

V/v: Tranh chấp HĐ vay

TS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA - TỈNH BẮC GIANG
VỚI THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM GỒM CÓ:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Chu Mạnh Hà**

Các hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Lê Thanh Miện** - CB hưu

2. **Ông Nguyễn Văn Nghĩa** - CB hưu

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Ngọc** - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa

Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: **Bà Ngô Đức Nghiêm** - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2016/TLST - DS ngày 30 tháng 3 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2016/QĐST ngày 24/6/2016 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Đồng Văn Lực** - sinh năm 1977

Chị Nguyễn Thị Ngân – sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: thôn Châu Lỗ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh Nguyễn Viết Lập – sinh năm 1972

Địa chỉ: cụm 2, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: **Bà Ngô Thị Bích Hồng** - sinh năm 1969

Ông Nguyễn Đức Lực – sinh năm 1967

Cùng Địa chỉ: Thôn Châu Lỗ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện ngày 28/3/2016 và bản tự khai ngày 31/3/2016, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngân đại diện trình bày: Ngày 23/5/2014 (tức 25/4/2014 âm lịch) vợ chồng chị có cho vợ chồng anh Lực, chị Hồng vay số tiền 30.000.000đ; ngày 6/9/2014(tức 13/8/2014 âm lịch) vợ chồng chị lại cho anh Lực, chị Hồng vay số tiền 150.000.000đ; Ngày 24/11/2014 (tức 10/3/2014 âm lịch) Vợ chồng chị cho vợ chồng chị Hồng, anh Lực vay tiếp số tiền

40.000.000đ; Ngày 10/01/2015 (tức 20/11/2014 âm lịch) vợ chồng chị lại tiếp tục cho vợ chồng anh Lực, chị Hồng vay số tiền 100.000.000đ. Tổng 4 lần vay là 320.000.000đ, tất cả các lần vay chị Hồng, anh Lực đều viết giấy vay và ký nhận. Tuy nhiên trong giấy vay tiền không thể hiện lãi suất cũng không có thời hạn trả nợ. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng là trả lãi suất 1%/1 tháng và hẹn khi nào anh, chị cần tiền thì sẽ báo trước cho chị Hồng anh Lực 1 tháng. Ngày 6/10/2014 tức 13/9/2014 âm lịch) anh Lực, chị Hồng đã trả được vợ chồng chị số tiền nợ là 40.000.000đ, cho đến nay anh Lực, chị Hồng vẫn nợ vợ chồng chị 280.000.000đ. Tháng 9/2015 anh chị đã thông báo cho anh Lực, chị Hồng để lấy tiền nhưng cho đến nay mặc dù đã đòi nhiều lần nhưng anh Lực, chị Hồng vẫn chưa trả cho vợ chồng chị. Nay chị khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa buộc anh Nguyễn Đức Lực và chị Ngô Thị Bích Hồng phải trả cho anh chị số tiền gốc là 280.000.000đ và số tiền lãi là 14.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 02/5/2016 bị đơn là chị Ngô Thị Bích Hồng trình bày: Chị có vay của chị Nguyễn Thị Ngân số tiền là 320.000đ cụ thể là: Ngày 25/4/2014 (âm lịch) vay 30.000.000đ; Ngày 13/8/2014 (âm lịch) vay 150.000.000đ; Ngày 13/10/2014 (âm lịch) vay 40.000.000đ; ngày 20/11/2014 (âm lịch) vay 100.000.000đ. Ngày 6/10/2016 chị đã trả được chị Ngân số tiền gốc là 40.000.000đ. Hiện nay chị xác định còn nợ chị Ngân số tiền gốc là 280.000.000đ tiền gốc. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 2000đ/1 ngày/1 triệu. Chị đã trả cho chị Ngân lãi đến tháng 9 năm 2015, tổng số lãi chị đã trả là 214.000.000đ. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xem xét lại số tiền lãi chị phải đóng theo quy định của nhà nước đối với số tiền vay của chị Ngân. Nếu số tiền lãi chị đã đưa cho chị Ngân còn dư, chị đề nghị khấu trừ vào tiền gốc mà chị phải trả cho chị Ngân.

Tại phiên tòa hôm nay, Chị Ngân vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Lực, chị Hồng phải trả vợ chồng chị số tiền nợ gốc là 280.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật. Chị Hồng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xem xét lại số tiền lãi mà chị đã đóng. Nếu thừa, đề nghị Tòa án chuyển sang trả tiền gốc cho chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng có ý thức chấp hành pháp luật. Về đường lối giải quyết.....

XÉT THẤY

Mặc dù anh Thắng và anh Lực vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đã có giấy ủy quyền cho chị Ngân và chị Hồng nên cần áp dụng khoản 2 điều 227 và điều 228 – Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ lời khai và các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và sự thừa nhận

từ phía bị đơn, có đủ căn cứ xác định: : Ngày 23/5/2014 (tức 25/4/2014 âm lịch) vợ chồng chị Ngân, anh Thắng có cho vợ chồng anh Lực, chị Hồng vay số tiền 30.000.000đ; ngày 6/9/2014(tức 13/8/2014 âm lịch) vợ chồng chị Ngân, anh Thắng cho anh Lực, chị Hồng vay số tiền 150.000.000đ; Ngày 24/11/2014 (tức 10/3/2014 âm lịch) Vợ chồng chị Ngân, anh Thắng cho vợ chồng chị Hồng, anh Lực vay tiếp số tiền 40.000.000đ; Ngày 10/01/2015 (tức 20/11/2014 âm lịch) vợ chồng chị Ngân, anh Thắng lại tiếp tục cho vợ chồng anh Lực, chị Hồng vay số tiền 100.000.000đ. Tổng 4 lần vay là 320.000.000đ, tất cả các lần vay chị Hồng, anh Lực đều viết giấy vay và ký nhận. Tuy nhiên trong giấy vay tiền không thể hiện lãi suất cũng không có thời hạn trả nợ. Ngày 6/10/2014 tức 13/9/2014 âm lịch) anh Lực, chị Hồng đã trả được vợ chồng chị Ngân , anh Thắng số tiền nợ là 40.000.000đ. cho đến nay anh Lực, chị Hồng vẫn nợ vợ chồng chị Ngân, anh Thắng tổng số tiền là 280.000.000đ tiền gốc .

Tuy nhiên thời gian sau đó, mặc dù chị Ngân đã xuống gia đình chị Hồng đòi nhiều lần nhưng vợ chồng chị Hồng không trả. Việc vợ chồng chị Hồng không thanh toán trả nợ cho vợ chồng chị Ngân số tiền gốc đã vay khi vợ chồng chị Ngân đòi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đây chính là căn cứ phát sinh nghĩa vụ dân sự của vợ chồng chị Hồng đối với vợ chồng chị Ngân. Vì vậy, việc vợ chồng chị Ngân khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Hồng phải trả số tiền 280.000.000đ tiền gốc là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 280, 281, 471 và 474 - Bộ luật dân sự.

Về lãi suất, căn cứ vào hợp đồng vay tiền giữa đôi bên và việc thanh toán trả tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy đây là trường hợp vay có thỏa thuận về lãi suất nhưng không thể hiện rõ lãi suất. Vì vậy, nay cần áp dụng khoản 2 điều 476 - Bộ luật dân sự để buộc vợ chồng chị Hồng phải chịu lãi suất đối với khoản tiền gốc kể trên theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định. Mặc dù chị Ngân cho rằng vợ chồng chị Hồng đã trả lãi đến tháng 9/2015 và yêu cầu tính vợ chồng chị Hồng trả tiếp lãi từ tháng 9/2015 đến nay. Tuy nhiên, chị Hồng cho rằng mình đã đóng số tiền lãi quá cao, vì vậy, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa tính lại.

Theo công bố của Ngân hàng nhà nước thì mức lãi suất cơ bản được áp dụng hiện nay là 9%/năm (tương đương 0.75%/tháng). Như vậy, số tiền lãi suất mà vợ chồng chị Hồng phải trả cho vợ chồng chị Ngân là:

- Số tiền vay 30.000.000đ ngày 23/5/2014 dương lịch:
 $(30.000.000 \times 2 \text{ năm} \times 9\%) + (30.000.000 \times 3 \text{ tháng} \times 0,75\%) + (30.000.000 \times 27 \text{ ngày} \times 0.75\% / 30 \text{ ngày}) = 6.135.750\text{đ}$
- Số tiền 150.000.000đ ngày 6/9/2014 dương lịch
 $(150.000.000 \times 1 \text{ tháng} \times 0,75\%) + (110.000.000 \times 1 \text{ năm} \times 9\%) + (110.000.000 \times 11 \text{ tháng} \times 0,75\%) + (110.000.000 \times 14 \text{ ngày} \times 0.75\% / 30 \text{ ngày}) = 20.485.000\text{đ}$
- số tiền vay ngày 24/11/2014 dương lịch
 $(40.000.000 \times 1 \text{ năm} \times 9\%) + (40.000.000 \times 8 \text{ tháng} \times 0,75\%) + (40.000.000 \times 26 \text{ ngày} \times 0.75\% / 30 \text{ ngày}) = 6.250.000\text{đ}$
- số tiền vay ngày 10/01/2015 dương lịch

$$(100.000.000 \times 1 \text{ năm} \times 9\%) + (100.000.000 \times 7 \text{ tháng} \times 0,75\%) + (100.000.000 \times 10 \text{ ngày} \times 0,75\% / 30 \text{ ngày}) = 14.500.000đ$$

Tổng tiền lãi là : 47.370.750đ

Về án phí: chị Hồng, anh Lực phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho chị Ngân tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 25, Điều 131, khoản 2 điều 199, Điều 202 - Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 280, 281, 298, 471, 474 và 476 - Bộ luật dân sự, xử:

Buộc anh Nguyễn Đình Tuấn và vợ là chị Chu Thị Hảo phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho vợ chồng chị Hà Thị Trình số tiền gốc là 385.000.000đ (ba trăm tám mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi xuất là 131.200.000đ tổng cộng cả gốc và lãi suất 516.200.000 đ (năm trăm mười sáu triệu. Hai trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bên được thi hành án làm đơn đề nghị thi hành, bên phải thi hành án dân sự phải chịu lãi suất theo mức lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định về khoản tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Án phí:** Anh Nguyễn Đình Tuấn và vợ là chị Chu Thị Hảo phải liên đới chịu 25.810.000 (Hai mươi lăm triệu tám trăm mười nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Trả lại cho chị Hà Thị Trình số tiền 9.625.000đ (Chín triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 03060 ngày 07/8/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
SƠ THẨM

- *TAND tỉnh Bắc Giang*
phiên tòa
- *VKSND tỉnh Bắc Giang*
- *VKSND huyện Hiệp Hòa*
- *Chi cục THA DS Hiệp Hòa*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ*

Hà

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – chủ tọa

Chu Mạnh